

The logo for CPA VIETNAM, featuring the letters 'CPA' in a stylized blue font followed by 'VIETNAM' in a standard blue font.

CPA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

BẢN TIN PHÁP LUẬT
Tháng 04-2018

TRONG SỐ NÀY

QUY ĐỊNH MỚI VỀ XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

- Quy định mới về xử phạt trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán thay thế quy định cũ tại Nghị định 105/2013/NĐ-CP

VĂN BẢN, THÔNG TƯ QUẢN LÝ VỀ NHÀ NƯỚC

- Nghị định 146/2017/NĐ-CP
- Về thuế Giá trị gia tăng
- Về thuế TNCN
- Công văn số 642/TCT-KK hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào
- Công văn số 11499/CT-TTHT ngày 26/3/2018 của Cục Thuế TP. Hà Nội
- Công văn số 10685/CT-TTHT ngày 20/3/2018 của Cục Thuế TP. Hà Nội
- Công văn số 724/TCT-CS ngày 02/03/2018
- Công văn số 999/TCT-KK ngày 26/03/2018 điều chỉnh thông tin thu nộp thuế, điều chỉnh tiền chậm nộp thuế
- Công văn số 1619/TCHQ-TXNK ngày 26/3/2018 của Tổng cục Hải quan
- Công văn số 1063/TCT-KK ngày 29/3/2018 của Tổng cục Thuế
- Công văn số 15725/BTC-CST ngày 4/11/2016 của Bộ Tài chính Phí tham gia Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam được tính vào chi phí được trừ
- Công văn số 2181/TCHQ-CNTT ngày 23/4/2018 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn về cách tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử

Nghị định số 41/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 12/03/2018, có hiệu lực kể từ ngày 01/05/2018, thay thế cho Nghị định 105/2013/NĐ-CP với một số điểm mới đáng chú ý như sau:

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Các hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập mà không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Về vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán:

Tăng mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kế toán

Theo Nghị định, mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là: 50.000.000 đồng đối với cá nhân (*tăng 20.000.000 đồng*); 100.000.000 đồng đối với tổ chức (*tăng 40.000.000 đồng*).

Hình thức xử phạt và mức xử phạt trong lĩnh vực kế toán

Nghị định quy định 29 hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính (*tăng 17 hành vi so với quy định hiện hành*) bổ sung một số hành vi bị xử phạt trong lĩnh vực kế toán như: xử phạt hành vi vi phạm quy định chung về pháp luật kế toán; sao chụp, niêm phong tài liệu kế toán... Nghị định cũng không còn áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm quy định về chứng từ kế toán; hành vi vi phạm quy định về sổ kế toán.

Nghị định này chỉ rõ, phạt tiền từ 03 - 05 triệu đồng đối với một trong các hành vi như: Mẫu chứng từ kế toán không có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định; Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán; Ký chứng từ kế toán bằng mực màu đỏ, mực phai màu; Ký chứng từ kế toán bằng đóng dấu chữ ký khắc sẵn; Chứng từ chi tiền không ký theo từng liên...

Phạt tiền từ 05 - 10 triệu đồng đối với một trong các hành vi như: Lập chứng từ kế toán không đủ số liên hoan theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán; Ký chứng từ kế toán không đúng thẩm quyền; Chữ ký của một người không thống nhất hoặc không đúng với sổ đăng ký mẫu chữ ký; Chứng từ kế toán không có đủ chữ ký theo chức danh theo quy định...

Cũng theo Nghị định này, hành vi lập sổ kế toán không ghi rõ tên đơn vị kế toán; Sổ kế toán không ghi bằng bút mực, ghi xen thêm vào phía trên hoặc phía dưới, ghi chồng lên nhau, ghi không cách dòng; Không đóng thành quyển sổ riêng cho từng kỳ kế toán hoặc không có đầy đủ chữ ký và đóng dấu theo quy định sau khi in ra giấy bị phạt tiền từ 01 – 02 triệu đồng.

Về vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập:

Bổ sung một số quy định liên quan đến xử phạt do vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho KTV như số lượng học viên/ lớp không đúng quy định, không thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình học hoặc thông báo chậm so với quy định, không nộp báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học.

Về xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chứng chỉ Kiểm toán viên:

Giảm mức phạt một số hành vi so với Nghị định 105/2013. Cụ thể, mức phạt với Kiểm toán viên có hành vi tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ KTV và cho tổ chức cá nhân ngoài đơn vị mình thuê, mượn chứng chỉ KTV để đăng ký hành nghề trước đây phạt 20 đến 30 triệu đồng, nay giảm xuống còn 5 đến 10 triệu đồng; với các tổ chức kiểm toán thuê, mượn chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc hoặc làm việc theo hợp đồng lao động không đảm bảo toàn thời gian trước đây phạt từ 40 đến 50 triệu đồng, nay giảm xuống mức 10 đến 20 triệu đồng.

Bỏ quy định về việc tước Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với tổ chức thuê, mượn chứng chỉ KTV từ 12 đến 24 tháng như trước đây.

Về hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán:

Tăng nặng hình thức xử phạt so với trước đây. Nếu như trước đây chỉ xử phạt hành vi xác nhận tài liệu không đúng với thực tế trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, hành vi kê khai không đúng thực tế, hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ chỉ phạt cảnh cáo thì nay mức phạt tăng dần theo thang 5-10 triệu đồng, 10-20 triệu đồng, 20-30 triệu đồng và tịch thu tang vật.

Về hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán:

Tăng nặng mức phạt cho một số hành vi như: nộp trả lại chậm hoặc không nộp trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính khi bị thu hồi (trước chỉ cảnh cáo, nay phạt từ 5-10 triệu đồng với việc nộp chậm và phạt từ 10 -20 triệu đồng với hành vi không nộp). Tuy nhiên lại giảm nhẹ mức phạt với một số hành vi như: Không làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có thay đổi (trước đây phạt 10-20 triệu, nay giảm xuống phạt 5- 10 triệu); hành vi cho thuê, mượn hoặc giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (trước đây bị tước quyền sử dụng Giấy phép từ 12-24 tháng, nay chỉ phạt tiền với mức 5-10 triệu đồng (với hành vi cho thuê, mượn) và phạt tiền 20-30 triệu (với hành vi giả mạo).

Về xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán:

Về cơ bản giảm hoặc giữ nguyên mức phạt so với trước đây. Cụ thể, với hành vi sử dụng từ “kiểm toán” trong tên gọi khi không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán bị phạt 5-10 triệu đồng (trước đây là 20-30 triệu đồng); hành vi tiếp tục kinh doanh dịch vụ khi đã tạm ngừng/chấm dứt hoặc bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trước đây bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận trong vòng 12-24 tháng nay chuyển thành mức phạt 40-50 triệu đồng và chỉ bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận trong vòng 3-6 tháng.

Về hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm toán:

Tăng mức phạt với hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho KTV hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp từ mức 500 nghìn đồng – 1 triệu đồng lên 5-10 triệu đồng với hành vi thực hiện không đúng và từ mức 5-10 triệu đồng lên 10-20 triệu đồng với hành vi không thực hiện mua bảo hiểm hoặc trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

Bổ sung hình thức phạt tiền 10-20 triệu đồng với hành vi thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi không đảm bảo tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Về hành vi vi phạm bảo mật:

Bổ sung mức phạt tiền từ 30-40 triệu đồng với hành vi sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và tăng thời gian tước quyền sử dụng. Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán từ 3-6 tháng lên 6-12 tháng.

Về hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán:

Tăng mức phạt cho KTV với hành vi ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề trước đây phạt từ 5-10 triệu, nay tăng lên 10-20 triệu đồng và vẫn giữ nguyên hình thức phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian 3-6 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực; hành vi không giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán tăng từ 10-20 triệu lên 20-30 triệu đồng.

Đối với doanh nghiệp kiểm toán bổ sung mức phạt 20-40 triệu đồng với hành vi bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải KTV hành nghề, đồng thời tăng thời gian tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 6-12 tháng khi vi phạm lần thứ 2 trở đi (trước đây không quy định mức phạt tiền và ngay lần

đầu đã tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 3-6 tháng).

Về hành vi vi phạm quy định về tính độc lập:

Bổ sung mức phạt tiền 10-20 triệu đồng với hành vi thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của KTV hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán (trước đây chỉ cảnh cáo). Quy định rõ việc phạt với hành vi mua, nhận, biếu, tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán áp dụng cho thành viên tham gia cuộc kiểm toán. Bổ sung mức phạt với hành vi thực hiện thu nợ cho đơn vị được kiểm toán.

Thay đổi từ hình thức tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán sang hình thức phạt tiền đối với hành vi thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, BCTC, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán, giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán (trước đây đình chỉ hành nghề từ 6-12 tháng ngay khi vi phạm), thực hiện kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật (trước đây đình chỉ hành nghề 12-24 tháng).

Áp dụng đồng thời cả hình thức phạt tiền (từ 20-30 triệu đồng) và tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (tuy nhiên với thời gian rút ngắn hơn từ 12-24 tháng xuống còn 3-6 tháng) với hành vi hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân, làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên trong cùng một thời gian, góp vốn từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên.

Chuyển từ hình thức đình chỉ sang hình thức phạt và đình chỉ (với thời gian ngắn hơn) với hành vi thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quá 4 năm tài chính liên tục. Cụ thể với KTV bị phạt từ 10-20 triệu đồng và đình chỉ hành nghề 3-6 tháng, doanh nghiệp kiểm toán bố trí KTV hành nghề vi phạm như trên bị phạt 20-40 triệu đồng và đình chỉ hành nghề 3-6 tháng nếu vi phạm từ lần thứ 2 trở đi (trước đây đình chỉ luôn, không phạt).

Về quy định lập hồ sơ kiểm toán:

Bổ sung mức phạt tiền từ 20-30 triệu đồng với hành vi không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán và giảm thời gian tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của KTV từ 6-12 tháng xuống còn 3- 6 tháng. Đối với doanh nghiệp kiểm toán không lưu trữ hồ sơ kiểm toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử tăng mức phạt tiền từ 5-10 triệu lên 10-20 triệu.

Về vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng:

Bổ sung hình thức phạt tiền từ 20-30 triệu đồng với KTV hành nghề thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán, báo cáo kết quả soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được sự chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách được chấp thuận và tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán từ 3-6 tháng (trước đây không phạt nhưng KTV bị tước quyền từ 6- 12 tháng).

Đối với doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được sự chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc bị đình chỉ, hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán ngoài mức phạt tiền từ 40-50 triệu đồng còn bị bổ sung hình phạt tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 3-6 tháng.

Về công khai thông tin báo cáo minh bạch với doanh nghiệp kiểm toán:

Tăng mức phạt từ 5-10 triệu đồng lên 10-20 triệu đồng với hành vi không lập trang thông tin điện tử theo quy định, công bố thông tin sai lệch trong báo cáo minh bạch, đồng thời cũng áp dụng mức phạt này đối với hành vi không công bố và không cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử (trước đây chỉ phạt cảnh cáo).

Về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng:

Tăng mức phạt từ 5-10 triệu lên 10-20 triệu đồng với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng và lên 20 -30 triệu đồng với hành vi giả mạo, khai man hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

Về vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới:

Nhìn chung mức phạt và hình thức phạt đối với các hành vi thuộc lĩnh vực này giảm so với Nghị định 105/2013/NĐ-CP, một số quy định trước đây phạt từ 20-30 triệu nay giảm còn 10-20 triệu; trước đây đình chỉ hoạt động từ 12-24 tháng nay chỉ phạt tiền từ 10-30 triệu đồng hoặc giảm thời gian đình chỉ và bổ sung thêm mức phạt.

Ngoài ra, Nghị định cũng tách rõ các trường hợp nộp chậm thông báo, báo cáo tài chính hàng năm chậm dưới 15 ngày, trên 15 ngày hoặc không thông báo thông tin liên quan đến việc cung cấp dịch vụ qua biên giới, giảm mức phạt từ đình chỉ 12-24 tháng hoặc 6-12 tháng xuống còn phạt tiền.

Vi phạm quy định về thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề:

Nghị định chi tiết hơn các mức phạt theo từng khung thời gian dưới 15 ngày, trên 15 ngày, không thông báo, đồng thời chi tiết hơn các trường hợp doanh nghiệp kiểm toán phải thông báo, nộp báo cáo cho Bộ Tài chính. Ngoài ra Nghị định cũng bổ sung mức phạt với trường hợp không thông báo khi doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu.

Đối với KTV hành nghề áp dụng hình thức phạt cảnh cáo (thông báo chậm dưới 15 ngày), phạt 5-10 triệu (thông báo chậm trên 15 ngày) hoặc 10-20 triệu đồng (không thông báo) đối với trường hợp bắt đầu/ tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch HĐQT, chủ tịch hội đồng thành viên tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó.

Vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán:

Bổ sung hình thức phạt với hành vi nộp chậm Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước; nộp chậm Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra và Tổ chức nghề nghiệp kiểm toán;

Bổ sung phạt tiền từ 10-20 triệu đồng với trường hợp không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán. Bổ sung phạt tiền từ 20-30 triệu đồng đối với hành vi không bố trí KTV hành nghề và những người có trách nhiệm liên quan làm việc với Đoàn kiểm tra; không ký báo cáo kết quả kiểm tra ngay khi kết thúc cuộc kiểm tra.

Bổ sung hình thức tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 1 đến 3 tháng đối với doanh nghiệp không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đúng thực tế, không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

Thẩm quyền xử lý vi phạm:

Bổ sung thẩm quyền của thanh tra viên tài chính, chánh thanh tra Sở Tài chính và chánh thanh tra Bộ Tài chính được phép tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt theo thẩm quyền và được phép tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận hành nghề dịch vụ kế toán, giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, kiểm toán có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Xử phạt với hành vi vi phạm quy định của đơn vị được kiểm toán:

Giảm mức phạt tiền từ 10-20 triệu đồng xuống còn 5-10 triệu đồng với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán BCTC chậm hơn so với thời hạn quy định.



Tăng mức phạt từ cảnh cáo lên 20-30 triệu đồng với hành vi đơn vị được kiểm toán từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán theo yêu cầu của KTV hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán.

Đối với đơn vị có lợi ích công chúng, ngoài mức phạt liên quan đến việc không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ, không tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật, Nghị định này bổ sung thêm một số hành vi bị phạt tiền với mức 10-20 triệu đồng như:

- Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận khác đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính khi báo cáo đó đã được một doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán.
- Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán so với năm trước liền kề hoặc doanh nghiệp kiểm toán đang thực hiện kiểm toán;
- Không thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện KTV hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập.
- Cung cấp thông tin, số liệu không đúng sự thật hoặc Không giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét khi doanh nghiệp chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính bị phạt với mức 20-30 triệu đồng (trước đây là 40-50 triệu đồng).

Bổ sung mới trường hợp phạt 20-30 triệu đồng với đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán, soát xét đã ký với doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán đó bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

Đơn vị có lợi ích công chúng chấp thuận KTV hành nghề thực hiện kiểm toán BCTC quá 4 năm tài chính liên tục bị phạt tiền từ 20-40 triệu đồng.

VĂN BẢN, THÔNG TƯ QUẢN LÝ VỀ NHÀ NƯỚC

Nghị định 146/2017/NĐ-CP

Ngày 16/03/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 25/2018/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính. Trong đó có một số nội dung đáng lưu ý như sau:

Về thuế Giá trị gia tăng:

Đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác

Sửa đổi đối tượng áp dụng: Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản (có nguồn gốc trong nước).

Hướng dẫn cụ thể hơn về cách xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản *không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến*; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua *không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến*.

Trường hợp xuất khẩu hàng hóa không thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT được sửa đổi như sau:

“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu



không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan”

Như vậy trường hợp hàng hóa nhập khẩu, sau đó xuất khẩu trước đây không thuộc đối tượng được hoàn, nay nếu việc xuất khẩu được thực hiện tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan thì thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT.

Về thuế TNCN

Thông tư sửa đổi hướng dẫn liên quan đến thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Cụ thể, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân, bao gồm:

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán.

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

Như vậy, so với hướng dẫn hiện hành tại Thông tư 111/2013/TT-BTC thì Thông tư 25/2018 dẫn chiếu cụ thể đến quy định tại “khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán”, “Điều 6 của Luật chứng khoán”, “Điều 120 của Luật doanh nghiệp”.

Đồng thời, cụm “...thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần” được sửa đổi thành “...Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần...”

Thông tư 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/5/2018.

Các trường hợp chịu sự điều chỉnh của Nghị định 146/2017/NĐ-CP được hướng dẫn tại Thông tư 25/2018/TT-BTC có hiệu lực từ 01/2/2018 (ngày hiệu lực của Nghị định 146).

Công văn số 642/TCT-KK hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Ngày 26/2/2018 Tổng cục Thuế có công văn số 642/TCT-KK hướng dẫn về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Theo công văn, trường hợp Chi nhánh của doanh nghiệp khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ khi mua hàng hóa từ khách hàng có hóa đơn GTGT hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào nhưng do Công ty mẹ trực tiếp thanh toán tiền cho người bán, việc thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và hàng hóa mua vào đáp ứng Điều kiện và nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì Chi nhánh được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

Công văn số 11499/CT-TTHT ngày 26/3/2018 của Cục Thuế TP. Hà Nội

Công văn số 11499/CT-TTHT ngày 26/3/2018 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc xác định chi phí được trừ trong trường hợp phạt vi phạm hợp đồng hướng dẫn về nội dung này như sau:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC, khi chi trả các khoản tiền phạt, bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế với khách hàng, doanh nghiệp chỉ cần lập phiếu chi và khách hàng lập phiếu thu, miễn lập hóa đơn và nộp thuế GTGT.

Khoản tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng không thuộc khoản chi không được trừ khi tính thuế TNDN theo khoản 2.36 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC. Theo đó, doanh nghiệp được căn cứ vào hợp đồng kinh tế và chứng từ chi tiền để hạch toán khoản tiền phạt, bồi thường hợp đồng nêu trên.

Công văn số 10685/CT-TTHT ngày 20/3/2018 của Cục Thuế TP. Hà Nội

Công văn số 10685/CT-TTHT ngày 20/3/2018 của Cục Thuế TP. Hà Nội về việc miễn kê khai, miễn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết hướng dẫn về nội dung này như sau

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 20/2017/NĐ-CP, trường hợp Công ty chỉ phát sinh giao dịch với bên liên kết là đối tượng nộp thuế TNDN tại Việt Nam, đồng

thời cả hai bên đều áp dụng cùng mức thuế suất và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế TNDN thì được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết.

Tuy nhiên, Công ty phải kê khai căn cứ được miễn trừ này tại mục I, mục II của Mẫu số 01 ban hành tại Nghị định 20/2017/NĐ-CP.

Công văn số 724/TCT-CS ngày 02/03/2018

Công văn số 724/TCT-CS ngày 02/03/2018 về kê khai, nộp thuế nhà thầu đối với lãi tiền vay và các Khoản chi phí trả cho bên nước ngoài như sau :

Trong trường hợp các Khoản phí thu xếp vốn, phí cam kết là Khoản tách biệt, không bao gồm trong lãi vay thì Công ty Việt Nam có trách nhiệm kê khai, nộp thuế nhà thầu thay cho Ngân hàng nước ngoài. Công ty Việt Nam được khấu trừ thuế GTGT nộp thay nhà thầu nước ngoài theo quy định. Trường hợp Khoản thu xếp vốn trả cho Ngân hàng nước ngoài không bao gồm thuế TNDN của nhà thầu nước ngoài thì Công ty Việt Nam được hạch toán Khoản thuế TNDN nhà thầu nộp thay vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên của Bộ Tài chính.

Công văn số 999/TCT-KK ngày 26/03/2018 điều chỉnh thông tin thu nộp thuế, điều chỉnh tiền chậm nộp thuế

Trường hợp người nộp thuế (NNT) đang có khoản tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt nộp thừa và đã quá 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm phát sinh số tiền thuế nộp thừa mà không phát sinh khoản phải nộp cùng tiểu mục tiếp theo thì người nộp thuế đề nghị điều chỉnh sang khoản nợ thuế khác không cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) với khoản nộp thừa.

Đối với trường hợp NNT ghi nhầm nội dung trên chứng từ nộp tiền dẫn đến vừa có số nợ, vừa có số nộp thừa tại các tiểu mục khác nhau, khi phát hiện sai sót, người nộp thuế đề nghị điều chỉnh về đúng tiểu mục.

Công văn số 1619/TCHQ-TXNK ngày 26/3/2018 của Tổng cục Hải quan

Công văn số 1619/TCHQ-TXNK ngày 26/3/2018 của Tổng cục Hải quan về việc xử lý thuế GTGT hàng nhập khẩu do nộp nhầm, cụ thể như sau:

Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế GTGT khi nhập khẩu máy móc, thiết bị nông nghiệp thuộc diện miễn thuế, nếu chưa kê khai khấu trừ, hoàn thuế tại cơ quan thuế thì được đề nghị hoàn tại cơ quan hải quan.

Thủ tục hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp nhầm, nộp thừa tại cơ quan hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 49, khoản 4 Điều 132 Thông tư 38/2015/TT-BTC và Công văn số 18304/BTC-TCHQ ngày 16/12/2014.

Công văn số 1063/TCT-KK ngày 29/3/2018 của Tổng cục Thuế

Công văn số 1063/TCT-KK ngày 29/3/2018 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế khi thực hiện tách doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Theo Tổng cục Thuế, đối với số thuế GTGT còn được khấu trừ thì phải chia tương ứng với giá trị tài sản được chuyển cho công ty bị tách và công ty được tách.

Đối với số thuế TNDN nộp thừa thì được chia tách theo nghị quyết của công ty bị tách.

Công văn số 15725/BTC-CST ngày 4/11/2016 của Bộ Tài chính Phí tham gia Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam được tính vào chi phí được trừ

Công văn số 15725/BTC-CST ngày 4/11/2016 của Bộ Tài chính về chính sách thuế TNDN và thuế TNCN với nội dung đáng lưu ý như sau:

Theo Công văn này, trường hợp hàng năm Công ty có đóng góp phí hội viên vào quỹ của Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, nếu không quá mức quy định của Hiệp hội và có phiếu thu do Hiệp hội lập thì được tính vào chi phí hợp lý.

Trường hợp Công ty có cử cá nhân làm đại diện tham gia Hiệp hội thì người này không phải nộp thuế TNCN trên khoản phí hội viên mà Công ty đóng vào Hiệp hội. Tuy nhiên, nếu người đó nhận được bất kỳ khoản thu nhập bằng tiền hay lợi ích nào từ Hiệp hội thì phải nộp thuế TNCN.

Công văn số 2181/TCHQ-CNTT ngày 23/4/2018 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn về cách tra cứu thông tin tờ khai hải quan điện tử

Công văn số 2181/TCHQ-CNTT ngày 23/4/2018 của Tổng cục Hải quan về việc đăng ký tài khoản truy cập Cổng thông tin Tờ khai hải quan điện tử, cụ thể như sau:

Theo Công văn này, đối tượng được truy cập Cổng thông tin Tờ khai hải quan điện tử theo Quy chế ban hành tại Quyết định 33/2016/QĐ-TTg không bao gồm doanh nghiệp, chỉ gồm các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tín dụng và tổ chức cấp C/O.

Theo đó, doanh nghiệp không thể đăng ký tài khoản truy cập Cổng thông tin Tờ khai hải quan điện tử để tra cứu thông tin về tờ khai.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tô Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368